

PHỤ LỤC I

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC THEO MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2025
THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 09-NQ/TU NGÀY 01/6/2022 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY VÀ
QUYẾT ĐỊNH SỐ 972/QĐ-UBND NGÀY 31/8/2022 CỦA UBND TỈNH**

(Kèm theo Báo cáo số 179/BC-UBND ngày 09/6/2023 của UBND xã Ba Trang)

STT	Đối tượng	Tổng số lượng có mặt	Chỉ tiêu theo NQ 09 và QĐ 972 đạt được tính đến 31/5/2023																						
			Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ										Trình độ lý luận chính trị				Quản lý nhà nước			Bồi dưỡng cập nhật kiến thức lãnh đạo, quản lý theo chức danh quy hoạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đoàn thể	Ngoại ngữ		Tin học	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (%)
			Xã miền núi, vùng cao					Phường, thị trấn và xã đồng bằng					Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Chưa qua đào tạo	Chuyên viên	Chuyên viên chính			Số CBCC dưới 40 tuổi	Số CBCC dưới 40 tuổi học ngoại ngữ		
			Chưa qua đào tạo và sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Sau ĐH	Chưa qua đào tạo và sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Sau ĐH													
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	HUYỆN																								
1	Cán bộ chủ chốt cấp xã (bí thư, phó bí thư, chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND, phó chủ tịch HĐND, phó chủ tịch UBND)																								
2	Cán bộ các tổ chức chính trị - xã hội																								
3	Công chức cấp xã																								
4	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã																								
5	Cấp ủy viên cấp ủy cơ sở																								
I	XÃ BA TRANG	21	4	5	0	24	0	0	0	0	0	0	4	8	36	0	9	7	0	0	5	10	2	19	55.0%
1	Cán bộ chủ chốt cấp xã (bí thư, phó bí thư, chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND, phó chủ tịch HĐND, phó chủ tịch UBND)	5				5									5		1	4		0		0	0	5	

STT	Đối tượng	Tổng số lượng có mặt	Chỉ tiêu theo NQ 09 và QĐ 972 đạt được tính đến 31/5/2023																						
			Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ										Trình độ lý luận chính trị				Quản lý nhà nước			Bồi dưỡng cập nhật kiến thức lãnh đạo, quản lý theo chức danh quy hoạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đoàn thể	Ngoại ngữ		Tin học	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (%)
			Xã miền núi, vùng cao					Phường, thị trấn và xã đồng bằng					Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Chưa qua đào tạo	Chuyên viên	Chuyên viên chính			Số CBCC dưới 40 tuổi	Số CBCC dưới 40 tuổi học ngoại ngữ		
			Chưa qua đào tạo và sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Sau ĐH	Chưa qua đào tạo và sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Sau ĐH													
2	Cán bộ các tổ chức chính trị - xã hội	5				5								5			0				5	4	2	4	
3	Công chức cấp xã	11		1	0	10							0	3	8		8	3				6	0	10	
4	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã	12	4	4	0	4							4	5	3										
5	Cấp ủy viên cấp ủy cơ sở	15												15											
II	XÃ B	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Cán bộ chủ chốt cấp xã (bí thư, phó bí thư, chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND, phó chủ tịch HĐND, phó chủ tịch UBND)																								
2	Cán bộ các tổ chức chính trị - xã hội																								
3	Công chức cấp xã																								
4	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã																								
5	Cấp ủy viên cấp ủy cơ sở																								

Ghi chú:

- UBND cấp huyện đánh giá chi tiết mức đạt chỉ tiêu của các ĐVHC cấp xã thuộc huyện theo mục tiêu của NQ 09 và QĐ 972.
- Cột B được thống kê tương ứng với các cột từ 1 đến 24 được bôi vàng.
- Về chuyên môn, nghiệp vụ: Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã công tác tại:
 - + Xã miền núi, vùng cao: thống kê vào cột 2 đến 6.
 - + Phường, thị trấn và xã đồng bằng: thống kê vào cột 7 đến 11.

PHỤ LỤC II

Nhiệm vụ cụ thể kèm theo Kế hoạch nâng cao chất lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

(Kèm theo Công văn số 904/SNV-XDCQ ngày 31/5/2023 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm ban hành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách (sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tư pháp; Sở Nội vụ và các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Khi tỉnh có đủ khả năng cân đối tài chính
2	Tuyên truyền, quán triệt nâng cao nhận thức về vai trò của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; nhất là tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ ở cơ sở	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ	Quý IV năm 2022 ban hành Kế hoạch; thực hiện thường xuyên hàng năm
3	Xây dựng kế hoạch rà soát, bổ sung, hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt các hương ước, quy ước của thôn, làng, bản, tổ dân phố trong tình hình mới	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch	Sở Tư pháp; các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2023 và những năm tiếp theo
4	Xây dựng chương trình bồi dưỡng theo quy hoạch các chức danh cán bộ chủ chốt cấp xã và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Trường Chính trị tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2023
5	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành nhằm tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tham mưu thực hiện các nội dung nâng cao chất lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã	Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chậm nhất 10 ngày, kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 10/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Xây dựng, ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (bao gồm cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã) giai đoạn: 2021-2025 và 2026-2030, cụ thể hoá kế hoạch hàng năm gắn với việc bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đầu quý I hàng năm
7	Xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện pháp luật thực hành dân chủ ở xã, phường, thị trấn	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I hàng năm

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm ban hành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
8	Sửa đổi, bổ sung chế độ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp; Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sau khi Chính phủ sửa đổi hoặc thay thế Nghị định số 34/2019/NĐ-CP có nội dung liên quan đến cơ chế, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố
9	Ban hành chế độ phụ cấp kiêm nhiệm chức danh của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, tổ dân phố	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp; Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Dự kiến năm 2023
10	Ban hành chế độ khuyến khích, hỗ trợ cho sinh viên tốt nghiệp loại giỏi được tuyển dụng vào công tác ở cấp xã	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp; Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sau khi Chính phủ ban hành quy định về chế độ, chính sách liên quan đến công chức cấp xã
11	Sửa đổi, bổ sung chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức được điều động, biệt phái, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đến nơi cách xa nơi cư trú (sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý được luân chuyển, điều động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp; Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Khi tỉnh có đủ khả năng cân đối tài chính
12	Ban hành quy định về tuyển chọn người hoạt động không chuyên trách cấp xã	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Dự kiến năm 2023 (sau khi Chính phủ ban hành Nghị định hoặc Bộ Nội vụ ban hành văn bản hướng dẫn)
13	Xây dựng kế hoạch và phát động phong trào thi đua yêu nước ở cơ sở	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng)	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
14	Tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định hiện hành	Kế hoạch tuyển công chức cấp xã	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ	Hàng năm (khi có nhu cầu)
15	Tuyển dụng, tiếp nhận, bố trí đội viên Đề án 500 trí thức trẻ thuộc tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025	Kế hoạch và triển khai thực hiện Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ	Giai đoạn 2022-2025 (trọng tâm là năm 2022)
16	Chỉ đạo và thực hiện quy hoạch nguồn cán bộ, công chức cấp xã trình cấp thẩm quyền phê duyệt	Quyết định hoặc Thông báo phê duyệt quy hoạch của cấp thẩm quyền	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các tổ chức có liên quan	Hàng năm

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm ban hành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
17	Phối hợp xây dựng quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh cán bộ cấp xã; quy trình lựa chọn, đề xuất, giới thiệu nhân sự bầu các chức danh chủ chốt cấp xã	Văn bản của UBND cấp huyện	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Cấp ủy cùng cấp	Theo đề nghị của cấp ủy cùng cấp
18	Ban hành tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã	Quyết định của UBND cấp huyện	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ngành có liên quan; các tổ chức chính trị - xã hội	Chậm nhất quý II/2023
19	Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã	Quyết định hoặc kế hoạch của UBND cấp huyện	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ, các tổ chức có liên quan	Hàng năm